

LỊCH THI HỌC KÌ II KHỐI 12 NĂM HỌC 2022 - 2023

NGÀY	BUỔI	KHỐI 12
Thứ sáu 21/04/2023	Chiều	13h30 - 15h: Văn (90')
Thứ bảy 22/04/2023	Chiều	13h30 - 14h15: Anh văn (45')
		14h30 - 15h20: Lý_khtn, Địa_khxx (50')
Thứ hai 24/04/2023	Chiều	13h30 - 15h: Toán (90')
Thứ ba 25/04/2023	Chiều	13h30 - 14h20: Sinh_khtn, GD CD_khxx (50')
		14h40 - 15h30: Hóa_khtn, Sử_khxx (50')
Thứ hai 08/05/2023	Sáng	7h - 7h50: Sử_khtn, Lý_khxx (thi tại lớp, GVCN coi thi)
		8h05 - 8h55: Địa_khtn, Hóa_khxx (thi tại lớp, GVCN coi thi)
		9h15 - 10h05: GD CD_khtn, Sinh_khxx (thi tại lớp, GVCN coi thi)
		Thi xong học sinh ra về

CHÚ Ý: Học sinh có mặt trước giờ thi 30 phút

- Ghi chú:**
- 1) Từ 12A1 đến 12A13: thi các môn Sử, Địa, GD CD trên lớp (thi tập trung, không phân phòng)
 - 2) 12A14, 12A15: thi các môn Lý, Hóa, Sinh trên lớp (thi tập trung, không phân phòng)
 - 3) Trong thời gian thi HK2 tập trung, khối 12 nghỉ học các buổi không có lịch thi

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II MÔN TOÁN KHỐI 12 NĂM HỌC 2022 – 2023

Tuần lễ: 24/04/2023 – 29/04/2023

Thời gian làm bài: 90 phút

Hình Thức: Trắc nghiệm – 50 câu

TT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		TỔNG
		NỘI DUNG	SL	NỘI DUNG	SL	NỘI DUNG	SL	NỘI DUNG	SL	
1	Nguyên hàm	– Định nghĩa, công thức, tính chất của nguyên hàm – Tìm họ nguyên hàm của hàm số đơn giản	3	– Tìm họ nguyên hàm bằng phương pháp đổi biến số hoặc nguyên hàm từng phần – Dùng định nghĩa tìm nguyên hàm của hàm số	1					4
2	Tích phân	– Định nghĩa, công thức, tính chất của tích phân – Tính tích phân các hàm số đơn giản	2	Tính tích phân bằng phương pháp đổi biến số hoặc tích phân từng phần	1	– Tính tích phân bằng phương pháp đổi biến số và phương pháp tích phân từng phần – Liên hệ tích phân với các kiến thức khác	1			4
3	Diện tích hình phẳng	– Công thức diện tích hình phẳng – Tính diện tích hình phẳng đơn giản	2	Tính diện tích hình phẳng	1			– Tính diện tích hình phẳng – Liên hệ diện tích với các kiến thức khác. Giải bài toán thực tế	1	4
4	Thể tích vật thể	– Công thức thể tích vật thể – Tính thể tích vật thể đơn giản	2	Tính thể tích vật thể	1	– Tính thể tích vật thể – Liên hệ thể tích với các kiến thức khác. Giải bài toán thực tế	1			4
5	Chuyển động	Tính quãng đường, vận tốc, gia tốc đơn giản	1							1
TỔNG GIẢI TÍCH III			10		4		2		1	17
6	Số phức	– Công thức, tính chất – Tính toán, rút gọn biểu thức	3	Tính toán, rút gọn biểu thức	1					4
7	Giải phương trình phức	Giải phương trình phức, định lý Viet	2	Giải phương trình phức, định lý Viet	2					4
8	Biểu diễn hình học của số phức	Biểu diễn hình học của số phức	3	Biểu diễn hình học của số phức	1					4
						– Tìm max, min liên quan đến số phức – Tìm số phức thỏa điều kiện cho trước	1			1
TỔNG GIẢI TÍCH IV			8		4		1		0	13

17

13

TT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		TỔNG
		NỘI DUNG	SL	NỘI DUNG	SL	NỘI DUNG	SL	NỘI DUNG	SL	
9	Hệ tọa độ trong không gian	- Tọa độ vector, tọa độ điểm - Biểu thức tọa độ của các phép toán vector, khoảng cách giữa hai điểm - Khái niệm và ứng dụng của tích vector	3	Bài toán liên quan tọa độ vector và tọa độ điểm	1					4
10	Mặt cầu	- Nhận dạng phương trình mặt cầu - Xác định tâm, bán kính mặt cầu cho trước - Tìm pt mặt cầu biết tâm và bán kính	3	Viết phương trình mặt cầu	1					4
11	Mặt phẳng	- Tìm vector pháp tuyến của mặt phẳng, nhận biết điểm thuộc mặt phẳng - Vị trí tương đối giữa hai mặt phẳng - Tìm phương trình mặt phẳng - Tính khoảng cách giữa điểm và mặt phẳng - Tính góc giữa hai mặt phẳng	3	- Phương trình mặt phẳng - Khoảng cách giữa điểm và mặt phẳng - Góc giữa hai mặt phẳng	1					4
12	Đường thẳng	- Tìm vector chỉ phương của đường thẳng, điểm thuộc đường thẳng - Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng - Tìm phương trình đường thẳng - Tính khoảng cách giữa điểm và đường thẳng, khoảng cách giữa hai đường thẳng - Tính góc giữa hai đường thẳng, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	3	- Phương trình đường thẳng - Khoảng cách giữa điểm và đường thẳng, khoảng cách giữa hai đường thẳng - Góc giữa hai đường thẳng, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	2					5
						Bài toán tổng hợp	2	Bài toán tổng hợp	1	3
TỔNG HÌNH HỌC			12		5		2		1	20
TỔNG TOÀN BÀI			30		13		5		2	50
TỶ LỆ % TỪNG MỨC ĐỘ NHẬN THỨC			60		26		10		4	100
ĐIỂM			6		2.6		1		0.4	10

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022 - 2023

TT	Kĩ năng	CHỦ ĐỀ KIẾN THỨC	Mức độ nhận thức								Tổng số câu	Tổng % điểm
			Nhận biết (Số câu%)		Thông hiểu (Số câu%)		Vận dụng thấp (Số câu%)		Vận dụng cao (Số câu%)			
			TL	%	TL	%	TL	%	TL	%		
1	Đọc hiểu	- Kiến thức tiếng Việt. - Kiến thức Văn học. - Nắm bắt thông tin.	1	10%	2	10%	1	10%	0	0%	04	30%
2	Làm văn	Cảm nhận, phân tích làm sáng tỏ một đoạn trích văn xuôi, từ đó nhận xét về một vấn đề nổi bật của tác phẩm.	1	30%	1	20%	1	10%	1	10%	01	70%
Tỉ lệ điểm các mức độ			40%		30%		20%		10%		05	10
Tổng % điểm			70%				30%					

MA TRẬN ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ II
TIẾNG ANH 12 - NH: 2022-2023
 GIỚI HẠN CHƯƠNG TRÌNH: VOCABULARY: UNIT 14, 15 - GRAMMAR: UNIT 10 → 15
Đề thi gồm 50 câu trắc nghiệm

Chuyên đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng (thấp)	Vận dụng (cao)	Tổng cộng
<i>Phát âm</i>	2				2
<i>Trọng âm</i>	2				2
<i>Tìm lỗi sai</i>	2	1	1	1	5
<i>Kỹ năng đọc điền từ</i>	2	1	1	1	5
<i>Kỹ năng đọc hiểu</i>	2	2	1		5
<i>Tìm từ đồng nghĩa</i>	1	1			2
<i>Tìm từ trái nghĩa</i>	1	1			2
<i>Tìm câu đồng nghĩa</i>	2	2	1		5
<i>Câu giao tiếp</i>	1	1			2
<i>Từ vựng, ngữ pháp</i>	5	6	6	3	20
Tổng câu	20	15	10	5	50
Tỉ lệ	40.00%	30.00%	20.00%	10.00%	100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 * MÔN VẬT LÝ KHỐI 12 * NĂM HỌC 2022-2023

chương	NỘI DUNG	NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG THẤP	VẬN DỤNG CAO	TỔNG
		TRẮC NGHIỆM	TRẮC NGHIỆM	TRẮC NGHIỆM	TRẮC NGHIỆM	
		SL	SL	SL	SL	
5	Tán sắc	1	1			10
	Giao thoa	1		1	1	
	Quang phổ	1	1			
	Tia hồng ngoại, tia tử ngoại, tia X	1	2			
6	Thuyết lượng tử	2	2	1	1	18
	Hiện tượng quang điện (ngoài)	2		1		
	Hiện tượng quang dẫn	1				
	Quang phát quang	1				
	Mẫu nguyên tử Bohr	2	2	2	1	
7	Cấu tạo hạt nhân	2	2	1		12
	Khối lượng động, năng lượng nghỉ, năng lượng toàn phần, động năng.	1		1		
	Độ hụt khối, năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng	1	2	1	1	
Tổng số câu từng mức độ		16	12	8	4	40/40
Tỉ lệ %		40%	30%	20%	10%	100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II- NH 2022-2023
MÔN : SINH HỌC LỚP 12 (BAN B) – THỜI GIAN LÀM BÀI 50 PHÚT

NỘI DUNG KIẾN THỨC: SINH THÁI (bài 35-46)+ Bài tập di truyền người

Hình thức: trắc nghiệm 40 câu

TT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	SỐ CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
		Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm
1	B35:MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NTST	2	0,5	1	0,25	1	0,25		
2	B36: QUẦN THỂ SV VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG QT	2	0,5	2	0,5	1	0,25		
3	B37-38: CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA QUẦN THỂ	2	0,5	2	0,5	1	0,25		
4	B39: BIẾN ĐỘNG SỐ LƯỢNG CÁ THỂ CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT	1	0,25	1	0,25				
5	B40: QUẦN XÃ SINH VẬT	2	0,5	1	0,25	1	0,25		
6	B41: DIỄN THỂ SINH THÁI	1	0,25	1	0,25				
7	B42: HỆ SINH THÁI	1	0,25	1	0,25	1	0,25		
8	B43: TRAO ĐỔI VẬT CHẤT TRONG HỆ SINH THÁI	2	0,5	1	0,25	1	0,25		
9	B44: CHU TRÌNH SINH ĐỊA HÓA VÀ SINH QUYỀN	1	0,25	1	0,25	1	0,25		
10	B45: DÒNG NĂNG LƯỢNG TRONG HST	1	0,25	1	0,25	1	0,25		
11	B46: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN	1	0,25						
12	Bài tập DT người							4	1,0
	Tổng	16	4,0	12	3,0	8	2,0	4	1,0
	Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức		40%		30%		20%		10%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II- NH 2022-2023
MÔN : SINH HỌC LỚP 12 (BAN KHTN)– THỜI GIAN LÀM BÀI 50 PHÚT

NỘI DUNG KIẾN THỨC: SINH THÁI (bài 35-43)

Hình thức: trắc nghiệm 40 câu

TT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	SỐ CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
		Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm
1	B35:MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NTST	2	0,5	1	0,25	1	0,25		
2	B36: QUẦN THỂ SV VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG QT	2	0,5	2	0,5	1	0,25	1	0,25
3	B37-38: CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA QUẦN THỂ	3	0,75	2	0,5	1	0,25	2	0,5
4	B39: BIẾN ĐỘNG SỐ LƯỢNG CÁ THỂ CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT	1	0,25	1	0,25	1	0,25		
5	B40: QUẦN XÃ SINH VẬT	3	0,75	1	0,25	1	0,25		
6	B41: DIỄN THỂ SINH THÁI	1	0,25	1	0,25	1	0,25		
7	B42: HỆ SINH THÁI	2	0,5	1	0,25	1	0,25		
8	B43: TRAO ĐỔI VẬT CHẤT TRONG HỆ SINH THÁI	2	0,5	2	0,25	1	0,25	1	0,25
	Tổng	16	4,0	12	3,0	8	2,0	4	1,0
	Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức		40%		30%		20%		10%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II- NH 2022-2023
MÔN : SINH HỌC LỚP 12 (BAN KHXH)– THỜI GIAN LÀM BÀI 50 PHÚT

NỘI DUNG KIẾN THỨC: QUẦN XÃ SINH VẬT + HỆ SINH THÁI, SINH QUYỀN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hình thức: trắc nghiệm 40 câu

TT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	SỐ CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
		Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm	Số câu	Số điểm
1	B40: QUẦN XÃ SINH VẬT	4	1	3	0,75	1	0,25		
2	B41: DIỄN THỂ SINH THÁI	3	0,75	3	0,75			1	0,25
3	B42: HỆ SINH THÁI	2	0,5	2	0, 5	2	0,5		
4	B43: TRAO ĐỔI VẬT CHẤT TRONG HỆ SINH THÁI	2	0,5	1	0, 25	1	0,25	1	0,25
5	B44: CHU TRÌNH SINH ĐỊA HÓA VÀ SINH QUYỀN	1	0,25	1	0,25	1	0,25	1	0,25
6	B45: DÒNG NĂNG LƯỢNG TRONG HST	2	0,5	2	0,5	3	0,75	1	0,25
7	B46: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN	2	0,5						
	Tổng	16	4,0	12	3,0	8	2,0	4	1,0
	Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức		40%		30%		20%		10%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (2022- 2023) MÔN LỊCH SỬ LỚP 12

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian	% tổng
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954	BÀI 18: NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950	4	3	4	6	2	3	1	2	11		14	27.5
		BÁI 19 BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KCTQ CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)	3	2.25	2	3	1	1.5	1	2	7		8.75	17.5
2	VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975	BÀI 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẦU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)	2	1.5	2	3	2	3			6		7.5	15
		BÀI 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)	3	2.25	2	3	2	3	1	2	8		10.25	20
		BÀI 26: ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986-2000)	4	3	2	3	1	1.5	1	2	8		9.5	20
Tổng			16	12	12	18	8	12	4	8				
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40		30		20		10				50	100
Tỉ lệ chung			70				30							100

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA – KHỐI 12- BAN KHTN 2022-2023

STT	Phần	Đơn vị bài học	Mức độ				Tổng số câu
			NB	TH	VD	VDC	
1.	Kĩ năng	Biểu đồ			1	1	08
		Bảng số liệu	1	1			
		Đọc Atlas Địa lí VN	2	1		1	
2.	Kiến thức lí thuyết	Địa lí ngành nông nghiệp	6	3	2	1	32
		Địa lí ngành công nghiệp	4	3	2	1	
		Địa lí ngành dịch vụ	2	2	1		
		Địa lí vùng kinh tế	1	2	2		
Tổng số câu :			16 (40%)	12 (30%)	08 (20%)	04 (10%)	40 câu =100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II –MÔN ĐỊA - K12- BAN KHXH 2022-2023

Stt	Phần	Đơn vị bài học	Mức độ				Tổng số câu
			NB	TH	VD	VDC	
1.	Kĩ năng						12
		Biểu đồ; bảng số liệu	2	2			
		Đọc Atlat Địa lí VN	6	2			
2.	Kinh tế - Vùng kinh tế	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	2	2			28
		Giao thông vận tải và thông tin liên lạc	2	2			
		Thương mại và du lịch	2	2	2		
		Tự nhiên - Kinh tế 06 vùng kinh tế	2	2	6	4	
Tổng số câu :			16 (40%)	12 (30%)	8 (20%)	4 (10 %)	40 câu =100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II
MÔN: GDCDLỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Công dân với các quyền tự do cơ bản	1. Công dân với các quyền tự do cơ bản	4	4p	2	2,5p	4	6p	2	3p	12c		15,5p	30%
2	Công dân với các quyền dân chủ	2. Công dân với các quyền dân chủ	4	4p	2	2,5p	4	6p	2	4p	12c		16,5p	30%
3	Pháp luật với sự phát triển của công dân	3. Pháp luật với sự phát triển của công dân	4	4p	4	5p					8c		9 p	20%
4	Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước	4. Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước	4	4p	4	5p					8c		9 p	20%
Tổng			16		12		8		4		40 câu		50 phút	100
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					100
Tỉ lệ chung (%)			70				30				100			

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Trong nội dung kiến thức (1) (2) (3) chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng và một câu mức độ vận dụng cao ở một hoặc hai trong hai nội dung đó.

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (DỰ KIẾN)

MÔN HÓA HỌC LỚP 12, NĂM HỌC 2022 - 2023

1. Ma trận đề kiểm tra cuối kì II, năm học 2022 – 2023

- Nội dung kiểm tra:

-Nhôm và hợp chất: 25% (2,5 điểm)

-Sắt và hợp chất: 50% (5,0 điểm)

-Crom và hợp chất: 25% (2,5 điểm)

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm.

- Cấu trúc: Mức độ đề: 40 % Nhận biết; 30 % Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Nhôm và hợp chất	Nhôm và hợp chất	4	3	1	1	9
2	Sắt	Sắt	4	3	1	1	9
		Hợp chất của sắt	4	2	2	1	9
3	Crom	Crom và hợp chất	4	3	2	0	9
4	Tổng hợp	Tổng hợp kiến thức vô cơ	0	1	2	1	4
Tổng			16	12	8	4	40
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%	